

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ TDG GLOBAL
TDG GLOBAL INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY**

-----*-----
Số/No: ~~3007~~./2026/CBTT-TDG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom - Happiness**

-----*-----
Bắc Ninh, ngày ~~20~~ tháng 07 năm 2026

Bacninh, July ~~20~~, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi /To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
HoChiMinh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL
Organization name: TDG Global Investment Joint Stock Company
2. Mã chứng khoán: TDG
Stock code: TDG
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô D1, KCN Đình Trám, Phường Nénh, Tỉnh Bắc Ninh
Address: Lot D1, Dinh Tram industrial park, Nenh ward, Bac Ninh province
4. Điện thoại: 0204.2244.903
Telephone: 0204.2244.903
5. Fax: 0204.3661.311
6. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Minh Hiếu - Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Persons to disclose informations: Le Minh Hieu – Position: General director
7. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Riêng Quý II.2026, Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý II.2026 và giải trình chênh lệch số liệu.
Contents of disclosure: Separate financial statements quarter 2 of 2026, Consolidated financial statements quarter 2 of 2026 and Official letter explaining the change of net profit after corporate income tax in quarter 2 of 2026.
8. Địa chỉ website đăng tải thông tin công bố: www.thaiduongpetrol.vn
Website address where published information is posted: www.thaiduongpetrol.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We hereby certify that the information provided is true and correct and we will bear full responsibility to the law./



Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính Riêng Quý II.2026;
Separate financial statements quarter 2 of 2026;
- Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý II.2026;
Consolidated financial statements quarter 2 of 2026;
- Giải trình chênh lệch số liệu.
Official letter explaining the change of net profit after corporate income tax in quarter 2 of 2026

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PERSONS TO DISCLOSE INFORMATION**

**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
GENERAL DIRECTOR OF THE COMPANY**



LÊ MINH HIẾU



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ TDG GLOBAL
TDG GLOBAL INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY**

-----*-----

Số/No: 3007/2026/CV-TDG

Vv: Giải trình biến động LNST Quý II.2026 so
với Quý II.2025

Ref: Explanation of the Change in Profit after
Corporate Income Tax for the Second Quarter
of 2026 Compared with the Second Quarter of
2025

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom - Happiness**

-----*-----

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Bacninh, July 30, 2026

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
HoChiMinh Stock Exchange

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư TDG GLOBAL
Organization name: TDG Global Investment Joint Stock Company
2. Mã chứng khoán: TDG
Stock code: TDG
3. Địa chỉ trụ sở: Lô D1 – KCN Đình Trám – Phường Nénh – Tỉnh Bắc Ninh
Address: Lot D1, Dinh Tram industrial park, Nenh ward, , Bac Ninh province
4. Điện thoại: 0204.2244.903
Telephone: 0204.2244.903
5. Fax: 02043 661 311

Công ty Cổ phần Đầu tư TDG GLOBAL xin giải trình nguyên nhân:

TDG GLOBAL Investment Joint Stock Company would like to explain the reason:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Profit after corporate income tax in the business performance report of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period last year.

❖ Trên Báo cáo tài chính riêng/ On the separate financial statements

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý II năm 2026 theo Báo cáo tài chính Riêng là 38.111.369 đồng, giảm so với cùng kỳ năm 2025 (giảm 92,89%) với nguyên nhân chính là do giá vốn hàng bán tăng, doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng, chi phí thuế TNDN hiện hành tăng và chi phí khác tăng mạnh, cụ thể:



Profit after corporate income tax in the Separate Statement of Profit or Loss for the second quarter of 2026 amounted to VND 38.111.369, representing a 92.89% decrease compared to the same period of 2025. The primary reasons for this decline were the increase in cost of goods sold, a significant decrease in financial income, an increase in general and administrative expenses, higher current corporate income tax expense, and a substantial increase in other expenses. Details are as follows:

- Giá vốn hàng bán tăng từ 305.498.195.194 đồng lên 385.954.652.824 đồng (tăng 26,34%)

Cost of goods sold increased from VND 305.498.195.194 to VND 385.954.652.824, representing an increase of 26,34% compared to the same period last year

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh, cụ thể giảm từ 762.667.331 đồng xuống 152.559.090 đồng (giảm 80%)

Financial income decreased significantly, specifically from VND 762.667.331 to VND 152.559.090, representing a decrease of 80%

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh, cụ thể tăng từ 1.134.932.039 đồng lên 2.133.592.971 đồng (tăng 87,99%)

General and administrative expenses increased significantly, specifically from VND 1.134.932.039 to VND 2.133.592.971, representing an increase of 87,99%

- Chi phí khác tăng mạnh, cụ thể tăng từ 4.916.061 đồng lên 1.180.489.674 đồng (tăng 23.912,92%)

Other expenses increased significantly, specifically from VND 4.916.061 to VND 1.180.489.674, representing an increase of 23.912,92%

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng từ 458.744.321 đồng lên 680.286.950 đồng (tăng 48,29%)

Current corporate income tax expense increased from VND 458.744.321 to VND 680.286.950, representing an increase of 48,29%

❖ Trên Báo cáo tài chính hợp nhất/ On the Consolidated Financial Statements

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý II năm 2026 theo Báo cáo tài chính Hợp nhất là -5.852.946 đồng, giảm so với cùng kỳ năm 2025 (giảm 101,88%) với nguyên nhân chính là do giá vốn hàng bán tăng, doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng, chi phí thuế TNDN hiện hành tăng và chi phí khác tăng mạnh, cụ thể:

Profit after corporate income tax in the Consolidated Statement of Profit or Loss for the second quarter of 2026 amounted to VND -5.852.946, representing a decrease of 101,88% compared to the same period of 2025. The primary reasons for this decrease were the increase in cost of goods sold, a significant decrease in financial income, an increase in general and administrative expenses, an increase in current corporate income tax expense, and a significant increase in other expenses, specifically as follows:

- Giá vốn hàng bán tăng từ 304.715.049.594 đồng lên 385.954.652.824 đồng (tăng 26,66%)

0345712
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
GLOBAL
- T. BẮC

Cost of goods sold increased from VND 304.715.049.594 to VND 385.954.652.824, representing an increase of 26,66% compared to the same period last year

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh, cụ thể giảm từ 762.667.956 đồng xuống 152.559.090 đồng (giảm 80%)

Financial income decreased significantly, specifically from VND 762.667.956 to VND 152.559.090, representing a decrease of 80%

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh, cụ thể tăng từ 1.136.696.130 đồng lên 2.136.979.334 đồng (tăng 88%)

General and administrative expenses increased significantly, specifically from VND 1.136.696.130 to VND 2.136.979.334, representing an increase of 88%

- Chi phí khác tăng mạnh, cụ thể tăng từ 4.916.061 đồng lên 1.110.315.360 đồng (tăng 22.485,47%)

Other expenses increased significantly, specifically from VND 4.916.061 to VND 1.110.315.360, representing an increase of 22.485,47%

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng từ 458.744.321 đồng lên 680.286.950 đồng (tăng 48,29%)

Current corporate income tax expense increased from VND 458.744.321 to VND 680.286.950, representing an increase of 48,29%

Trân trọng!
Sincerely!

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL
TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR OF THE COMPANY



LÊ MINH HIẾU



TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Lot D1, Dinh Tram Industrial Park,
Nenh Ward, Bac Ninh Province, Vietnam

Tax Code: 2400345718

----------

**SEPARATE FINANCIAL
STATEMENTS**

Q2/2026

(01 April 2026 to 30 June 2026)



Year 2026

REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS

The Board of Directors of TDG Global Investment Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company") presents its Report and the Company's Financial Statements for the financial period ended June 30, 2026 .

TDG Global Investment Joint Stock Company was established in the form of a joint stock company, organized and operated under the Investment Law No. 59 / 2005/QH 11 and the Enterprise Law No. 59/2020/QH 14 passed by the National Assembly on June 17, 2020.

Business Registration Certificate No. 2400345718, first registered on July 13, 2005 , registered for the 26th change on February 11, 2025 issued by the Department of Planning and Investment of Bac Giang province, the Company's business activities are:

- Manufacturing and assembling gas stoves and gas stove accessories;
- Liquefied petroleum gas trading ;
- Installation , repair, warranty, maintenance of civil and industrial gas systems ;
- Cargo transportation business;
- Passenger transport business by car;
- Freight forwarding and handling services (excluding air freight handling services);
- Domestic travel services and services for tourists;
- Forestry and trading of all kinds of wood, rubber, rubber products;
- Production and trading of livestock and poultry feed;
- Livestock and poultry farming;
- Garment manufacturing;
- Trading in machinery, equipment and construction machinery;
- Automobile transport business;
- LPG cylinder inspection;
- Trading in all kinds of iron and steel;
- Trading of coal;
- Trading chemicals and fertilizers for agricultural production;
- Agricultural and forestry business;
- Mineral business;
- Seafood business;
- Gas cylinder filling service and gas cylinder filling and packaging production;

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bac Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

- The Company's headquarters is at Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward – Bac Ninh
Company's charter capital: 242,111,900,000 VND .

Undistributed earnings as of June 30, 2026 are: VND 17,483,524,064 (Undistributed earnings as of March 31, 2025 are: VND 13.577.455.013).

There have been no material events occurring after the reporting date that require adjustment to or disclosure in the financial statements.

The members of the Board of Directors include:

Full name	Position	Date of appointment	Dismissal Date
Mr. Vo Anh Thai	Chairman of the Board	March 28, 2025	
Mr. Dinh Phu Minh	Vice Chairman of Board of Directors		May 28,2026
Mr. Nguyen Van Huyen	Board Member		May 28,2026
Mr. Le Minh Hieu	Board Member		
Mr. Tran Dinh Co	Board Member		

Mr. Le Minh Hieu **General Director**

Mr. Nguyen Ha Bac Deputy General Director in charge of production

STATEMENT OF RESPONSIBILITY OF THE BOARD OF DIRECTORS FOR THE FINANCIAL STATEMENTS

The Board of Directors of the Company is responsible for preparing the Financial Statements which give a true and fair view of the financial position, results of operations and cash flows of the Company during the year. In preparing the Financial Statements, the Board of Directors of the Company undertakes to comply with the following requirements:

- Select suitable accounting policies and apply them consistently;
- Make judgements and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, and whether there are material departures that need to be disclosed and explained in the financial statements;
- Prepare and present financial statements in compliance with accounting standards, accounting regimes and current relevant regulations;
- Prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Board of Directors of the Company ensures that the accounting records are kept to reflect the financial position of the Company, with a fair and reasonable level at any time and to ensure that the Financial Statements comply with current regulations of the State. At the same time, it is responsible for ensuring the safety of the Company's assets and taking appropriate measures to prevent and detect fraud and other violations.

The Board of Directors of the Company commits that the Financial Statements have reflected fairly and fairly the financial position of the Company as at June 30, 2026, the results of its operations and cash flows for the fiscal year ended on the same date, in accordance with Vietnamese accounting standards and regimes and in compliance with current relevant regulations.

Bac Ninh, June 30, 2026
TM. Board of Directors
General Director



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Minh Hiếu

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bac Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Tax code: 2400345718

FINANCIAL STATEMENT*As at 30/6/2026*

ASSET	Code	Notes	Closing amount year	Opening amount year
A. CURRENT ASSETS	100		438,558,124,735	596,189,464,683
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	12,632,394,375	21,294,669,966
1. Cash	111		12,632,394,375	21,294,669,966
2. Cash Equivalents	112		0	
II. Short-term financial investments	120		13,481,634,294	40,336,109,400
1. Trading securities	121	V.2(a)	0	0
2. Provision for diminution in the value of trading securities (*)	122		0	0
3. Held to maturity investment	123	V.2(b)	13,481,634,294	40,336,109,400
4. Short-term Provision for Held-to-Maturity Investments (*)	124		0	0
5. Other short-term investments	125		0	0
6. Provision for impairment of other short-term investments (*)	126		0	0
III. Short-term receivables	130		167,919,392,906	298,529,640,700
1. Short-term receivables from customers	131	V.3(a)	91,172,708,447	12,421,277,264
2. Short term pre-payment to suppliers	132		72,389,277,380	124,826,048,911
3. Short-term internal receivables	133		0	0
4. Short-term Liabilities Arising from Contracts	134		0	0
5. Other short-term receivables	135	V.4(a)	4,357,407,079	161,282,314,525
6. Short-term allowances for doubtful debts (*)	136		0	0
7. Shortage of assets awaiting resolution	137	V.5	0	0
IV. Inventories	140	V.7	241,494,779,749	233,451,350,264
1. Inventories	141		241,494,779,749	233,451,350,264
2. Provision for inventories (*)	142		0	0
V. Short-term biological assets	150		0	0
1. Livestock raised for single-cycle short-term products	151	V.12.1.1	0	0
2. Seasonal crops or crops for single-cycle short-term products	152	V.12.1.2	0	0
3. Provision for impairment of short-term biological assets (*)	153		0	0
VI. Other current assets	160		3,029,923,411	2,577,694,353
1. Short-term Deferred Costs	161	V.14(a)	76,824,192	
2. VAT receivable	162		2,953,099,219	2,577,694,353

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bao Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

3. Taxes receivable from State Treasury	163	V.19(b)	0	0
4. Treasury bonds purchased for resale	164	V.23	0	0
5. Other current assets	165	V.15(a)	0	0
B. LONG-TERM ASSETS	200		398,807,720,024	365,209,104,016
I. Long-term receivables	210		0	180,000,000
1. Long-term receivables from customers	211		0	0
2. Long-term pre-payment to suppliers	212		0	0
3. Investments in equity of subsidiaries	213		0	0
4. Long-term internal receivables	214		0	0
5. Other long-term receivables	215		0	180,000,000
6. Provision for long-term doubtful debts (*)	216		0	
II. Fixed assets	220		11,310,680,346	11,776,657,856
1. Tangible fixed assets	221	V.9	11,229,174,526	10,275,152,044
- Historical costs	222		27,668,765,929	25,845,493,202
- Accumulated depreciation (*)	223		(16,439,591,403)	(15,570,341,158)
2. Financial leasing fixed assets	224	V.11		1,419,999,992
- Historical costs	225			1,807,272,727
- Accumulated depreciation (*)	226			(387,272,735)
3. Intangible fixed assets	227	V.10	81,505,820	81,505,820
- Historical costs	228		81,505,820	81,505,820
- Accumulated depreciation (*)	229		0	0
III. Long-term biological assets	230		0	0
1. Livestock for fixed production	231		0	0
a) Livestock for fixed production not yet matured	232	V.12.1.3	0	0
b) Livestock for fixed production that has matured	233	V.12.2	0	0
- Original cost	234		0	0
- Accumulated depreciation	235		0	0
2. Livestock raised for single-cycle long-term products	236		0	0
3. Seasonal crops or crops for single-cycle long-term products	237		0	0
4. Provision for impairment of long-term biological assets (*)	238		0	0
IV. Investment property	240	V.13	0	0
- Historical costs	241		0	0
- Accumulated depreciation (*)	242		0	0
V. Long-term asset in progress	250	V.8	160,785,304,908	106,710,928,130
1. Long-term work in progress	251		0	0
2. Construction in progress	252		160,785,304,908	106,710,928,130
VI. Long-term financial Investments	260		62,000,000,000	62,000,000,000
1. Equity investments in subsidiaries	261		2,000,000,000	2,000,000,000
2. Investments in joint ventures and associates	262		60,000,000,000	60,000,000,000
3. Equity investments in other entities	263		0	0

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bac Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

4. Held to maturity investment	264		0	0
5. Provision for long-term financial investment (*)	265		0	0
6. Provision for impairment of long-term held-to-maturity investments (*)	266		0	0
VII. Other long-term assets	270		164,711,734,770	184,541,518,030
1. Long-term Deferred Costs	271	V.14(b)	164,711,734,770	184,541,518,030
2. Deferred income tax asset	272	V.26(a)	0	0
3. Long term equipment, spare parts for replacement	273		0	0
4. Other long-term assets	274	V.15(b)	0	0
TOTAL ASSETS (280 = 100 + 200)	280		837,365,844,759	961,398,568,699
C - LIABILITIES	300		577,640,434,491	701,755,992,170
I. Short-term liabilities	310		216,982,622,798	583,857,104,770
1. Short-term account payable to suppliers	311	V.17(a)	49,446,201,372	62,929,816,545
2. Advances from customers (short-term)	312			89,051,829,802
3. Dividends Payable	313		0	0
4. Taxes and payable to state budget	314	V.19	1,558,927,148	1,266,031,013
5. Payable to employees	315		126,513,873	107,842,754
6. Short-term accrued expenses	316	V.20(a)	1,660,943,718	2,533,200,320
7. Short-term internal payables	317			0
8. Short-term Liabilities Arising from Contracts	318		0	0
9. Short-term unearned revenue	319	V.22(a)	1,475,336,543	1,311,322,878
10. Other short-term payables	320	V.21(a)		
11. Short-term borrowings and financial lease	321	V.16(a)	162,714,700,144	426,657,061,458
12. Provision (Short-term)	322	V.25(a)	0	0
13. Bonus & welfare fund	323		0	0
14. Price stabilisation fund	324		0	0
15. Treasury bonds purchased for resale	325		0	0
II. Long-term liabilities	330		360,657,811,693	117,898,887,400
1. Long-term account payable to suppliers	331	V.17(b)	0	0
2. Advances from customers (long-term)	332		0	0
3. Long-term Taxes and payable to state budget	333	V.19	0	0
4. Long-term accrued expenses	334	V.20(b)		0
5. Internal payables for operating capital received	335		0	0
6. Long term internal payables	336		0	0
7. Long-term unearned revenue	337	V.22(b)	0	0
8. Other long-term payables	338	V.21(b)	718,860,240	718,860,240
9. Long-term borrowings and financial lease	339	V.16(b)	359,938,951,453	117,180,027,160
10. Convertible bonds	340	V.23.2	0	0
11. Preferred share	341	V.24	0	0
12. Deferred income tax liabilities	342	V.26(b)	0	0
13. Provision for long-term payables	343	V.25(b)	0	0
14. Science and technology development fund	344		0	0
D - EQUITY	400		259,725,410,268	259,642,576,529

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bac Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC

dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

1. Contributed capital	411	V.27(b)	242,111,900,000	242,111,900,000
- Ordinary shares with voting rights	411a	V.27(d)	242,111,900,000	242,111,900,000
- Preferred share	411b	V.27(d)	0	0
2. Share capital surplus	412	V.27(e)	0	0
3. Conversion options on convertible bonds	413	V.27(e)	0	0
4. Owner's other equities	414		0	0
5. Treasury Stock, Repurchased Shares (*)	415	V.27(e)	0	0
6. Differences upon asset revaluation	416	V.28	0	0
7. Foreign exchange differences	417	V.29	0	0
8. Investment & development funds	418		0	0
9. Other funds	419		0	0
10. Undistributed earnings	420		17,613,510,268	17,530,676,529
- Accumulated undistributed earnings	420a		17,530,676,529	11,838,273,172
- Undistributed earnings	420b		82,833,739	5,692,403,357
TOTAL EQUITY (440 = 300 + 400)	440		837,365,844,759	961,398,568,699

Prepared by

(Signature and full name)

Nguyễn Thị Linh Hương

Chief Accountant
(Signature and full name)

Nguyễn Thị Linh Hương

General Director

(Signature, full name and company seal)



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Linh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Minh Hiếu

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bac Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Tax code: 2400345718

INCOME STATEMENT

Accounting period year 2026

Target	Code	Explan action	Quarter 2		Accumulated from the beginning of the year to the end of the quarter	Accumulated from the beginning of the year to the end of the quarter
			This year	Last year		
1	2	3	4	5	6	7
1. Sales and service revenue	01	IV.1	408,384,655,550	326,185,898,101	662,228,196,269	592,257,816,989
2. Revenue deductions	02	VI.2				
3. Net revenue (10 = 01 - 02)	10		408,384,655,550	326,185,898,101	662,228,196,269	592,257,816,989
4. Cost of goods sold	11	VI.3	385,954,652,824	305,498,195,194	621,500,628,677	558,013,791,395
5. Gross profit (20 = 10 - 11)	20		22,430,002,726	20,687,702,907	40,727,567,592	34,244,025,594
6. Gain / Loss on disposal of investment property	21	VI.4				
7. Financial income	22	VI.5	152,559,090	762,667,331	899,721,786	771,016,015
8. Financial activities expenses	23	VI.6	9,284,370,702	9,410,596,353	16,983,142,769	15,232,885,507
- In which: Interest expense	24		9,284,370,702	9,410,596,353	16,983,142,769	15,232,885,507
9. Selling expenses	25	VI.9	9,265,710,150	9,905,240,272	20,351,066,586	15,196,776,282
10. General & administration expenses	26	VI.9	2,133,592,971	1,134,932,039	2,384,556,817	2,381,658,213
11. Net operating profit {30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		1,898,887,993	999,601,574	1,908,523,206	2,203,721,607
12. Other income	31	VI.7				
13. Other expenses	32	VI.8	1,180,489,674	4,916,061	1,145,402,517	5,795,445
14. Other profit (40 = 31 - 32)	40		(1,180,489,674)	(4,916,061)	(1,145,402,517)	(5,795,445)
15. Total earning before tax (for accounting purpose) (50 = 30 + 40)	50		718,398,319	994,685,513	763,120,689	2,197,926,162
16. Business income tax charge	51	VI.11	680,286,950	458,744,321	680,286,950	458,744,321
17. Deferred business income tax charge	52	VI.11				
18. Earning after tax (60 = 50 - 51 - 52)	60		38,111,369	535,941,192	82,833,739	1,739,181,841
19. Earnings per share (*)	70					
20. Diluted earning per share (*)	71					

Prepared by

(Signature and full name)

Luang

Chief Accountant

(Signature and full name)

8

KẾ TOÁN TRƯỞNG*Nguyễn Thị Linh Hương*

General Director

(Signature, full name and company seal)

**TỔNG GIÁM ĐỐC***Lê Minh Hiếu*

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bac Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC

dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Tax code: 2400345718

CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

Accounting period year 2026

Item	Code	Notes	This year	Last year
I. Cash flow from operating activities				
1. Profit before tax	01		763,120,689	6,953,021,441
2. Adjustments for				
- Depreciation and amortisation	02		481,977,510	963,955,020
- Allowances and provisions	03			
- Exchange losses/(gains) arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	04			
- Profit, loss from investment and financial activities	05			(1,214,015,629)
- Borrowing Costs	06		16,983,142,769	30,206,135,915
- Other adjustments	07			
3. Operating profit before changes in working capital	08		18,228,240,968	36,909,096,747
- Change in receivables	09		95,937,180,242	(124,656,447,812)
- Change in inventories	10		(8,043,429,485)	(40,350,735,128)
- Increase/Decrease of payables (interest and payable CIT excluded)	11		(103,230,429,722)	24,071,011,521
- Increase or decrease in deferred allocation expenses	12		19,752,959,068	39,589,567,232
- Change in trading securities	13			
- Borrowing costs paid	14		(16,983,142,769)	(29,403,631,177)
- Company income tax paid	15		(381,977,886)	(1,016,741,009)
- Other receipts from operating activities	16			
- Other payments for operating activities	17			
Net Cash flows from operating activities	20		5,279,400,416	154,455,015,998
II. Cash flows from investing activities				
1. Payments for additions to fixed assets and other long-term assets	21		(2,725,066,974)	(81,184,914,507)
2. Collections on disposals of fixed assets and other long-term assets	22			
3. Granting loans, buying debt instruments of other entities	23		(28,024,583,079)	(161,370,283,800)
4. Recovery of loan given and disposals of debt instruments of other entities	24		1,170,107,973	
5. Investments in equity of other entities	25			
6. Withdrawals of investments in other entities	26			
7. Interests, dividends and profits distributed	27			1,441,317,986
Net cash flows from investing activities	30		(29,579,542,080)	(241,113,880,321)
III. Cash flows from financing activities				
1. Receipts from issuing shares, contribution of owners	31			
2. Capital returned to owners, repurchase of issued shares	32			
3. Receipts from borrowings	33		590,691,643,754	1,302,959,834,071
4. Payments to settle loan principals	34		(574,903,755,041)	(1,243,433,783,948)
5. Payments to settle financial lease principals	35		(150,022,640)	(360,054,336)
6. Dividends, profits distributed	36			
Net cash flows from financial activities	40		15,637,866,073	59,165,995,787
Net cash flows during the year (50 = 20 + 30 + 40)	50		(8,662,275,591)	(27,492,868,536)
Cash and cash equivalent at the beginning of the year	60		21,294,669,966	48,787,538,502
Effect of exchange rate changes on cash and cash equivalents held in foreign currencies	61			
Cash and cash equivalent at the end of the year (70 = 50 + 60 + 61)	70	VIII	12,632,394,375	21,294,669,966

Prepared by
(Signature and full name)

Chief Accountant
(Signature and full name)

General Director
(Signature, full name and company seal)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Linh Hương



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Minh Hiếu

NOTES TO FINANCIAL STATEMENTS

Quarter II 2026

I. BUSINESS CHARACTERISTICS

1. Form of capital ownership

TDG Global Investment Joint Stock Company was established in the form of a joint stock company, organized and operated under the Investment Law No. 59 / 2005/QH 11 and the Enterprise Law No. 59/2020/QH 14 passed by the National Assembly on June 17, 2020.

The Company's headquarters is at Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Viet Yen Town - Bac Giang.

Company's charter capital : 242,111,900,000 VND .

2. Business field

The Company's business areas are production, trade and investment.

3. Characteristics of business operations during the fiscal year that affect the Financial Statements:

Business Registration Certificate No. 2400345718, first registered on July 13, 2005 , registered for the 29th change on June 09, 2026 issued by the Department of Planning and Investment of Bac Ninh province, the Company's business activities are:

- Manufacturing and assembling gas stoves and gas stove accessories;
- Liquefied petroleum gas trading ;
- Installation , repair, warranty, maintenance of civil and industrial gas systems ;
- Cargo transportation business;
- Passenger transport business by car;
- Freight forwarding and handling services (excluding air freight handling services);
- Domestic travel services and services for tourists;
- Forestry and trading of all kinds of wood, rubber, rubber products;
- Production and trading of livestock and poultry feed;
- Livestock and poultry farming;
- Garment manufacturing;
- Trading in machinery, equipment and construction machinery;
- Automobile transport business;
- LPG cylinder inspection;
- Trading in all kinds of iron and steel;
- Trading of coal;
- Trading chemicals and fertilizers for agricultural production;
- Agricultural and forestry business;
- Mineral business;
- Seafood business;
- Gas cylinder filling service and gas cylinder filling and packaging production;

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bac Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

- electrical , electronic , information technology and telecommunications products ;
- Production, trading of construction materials, scrap iron;
- Real estate business , office rental;
- Buying and selling wine , beer, soft drinks , bottled water , carbonated drinks ;
- Construction of civil and industrial works;
- Production of bottled purified drinking water ;
- Warehouse rental services;
- Production and warranty repair of gas cylinders;
- Buy and sell gas cylinders (LPG), gas tanks (LPG).

II.ACCOUNTING POLICIES APPLIED AT ENTERPRISES:

1. **Accounting period:** Starts from January 1 and ends on December 31 every year.
2. **Currency used in accounting:** The currency used in accounting records is Vietnamese Dong (VND)
3. **Applicable accounting regime**

Applicable accounting regime

The Company applies the Enterprise Accounting Regime according to Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance.

Statement on Compliance with Accounting Standards and Accounting Regime

We ensure compliance with Vietnamese accounting standards and regulations.

4. **Applicable accounting form**

The company applies the general journal accounting method.

5. **Applicable accounting policies**

- a. *Principles for recording cash and cash equivalents:* Including cash, bank deposits, and money in transit. The currency used in accounting records is Vietnamese Dong (VND).
- b. *Principle of recording receivables:* Receivables are presented on the financial statements according to the book value of receivables from customers and other receivables.
- c. *Principles of inventory recognition :* Inventories are calculated at original cost. In case the net realizable value is lower than the original price, it must be calculated at the net realizable value. The original cost of inventories includes purchase costs, processing costs and other directly related costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition.

Method of calculating ending inventory value: Ending inventory value is determined by the monthly average price calculation method.

Inventory accounting method: Inventory is accounted for using the perpetual inventory method.

The provision for inventory devaluation is made at the end of the year as the difference between the original cost of inventory and their net realizable value.

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bac Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

d. Fixed asset depreciation method

Tangible fixed assets and intangible fixed assets are recorded at original cost. During use, tangible fixed assets and intangible fixed assets are recorded at original cost, accumulated depreciation and residual value.

Depreciation is calculated using the straight-line method. The estimated depreciation period is as follows:

- Houses and structures	5 - 25 years
- Machinery and equipment	5 - 10 years
- Means of transmission	5 - 12 years
- Management equipment and tools	3 - 8 years
Other fixed assets	5 - 10 years

e. Principles of recording borrowing costs

Borrowing costs are recognized in production and business expenses in the period when incurred, except for borrowing costs directly related to the investment, construction or production of unfinished assets, which are included in the value of that asset (capitalized) when meeting all the conditions specified in Vietnamese Accounting Standard No. 16 "Borrowing costs" .

Borrowing costs directly related to the construction or production of a qualifying asset are included in the cost of that asset (capitalized), including interest, amortization of discounts or premiums when issuing bonds, and additional costs incurred in connection with the borrowing process.

f. Principle of recording payable expenses

Actual expenses that have not yet arisen but are deducted in advance from production and business expenses in the period to ensure that when actual expenses arise, they do not cause sudden changes in production and business expenses based on the principle of matching revenue and expenses. When such expenses arise, if there is a difference with the amount deducted, the accountant will record additional expenses or reduce the expenses corresponding to the difference.

g. Principles and methods of recording provisions for payables

In case the amount of provisions payable in this period is greater than the amount of provisions payable in the previous period that have not been used up, the difference shall be recorded in the production and business expenses of that accounting period. In case the amount of provisions payable in this period is less than the amount of provisions payable in the previous period that have not been used up, the difference shall be reversed and recorded as a reduction in the production and business expenses of that accounting period.

h. Principles for recording exchange rate differences

Economic transactions arising in foreign currencies are converted into Vietnamese Dong at the actual exchange rate at the time of the transaction. At the end of the year, monetary items originating in foreign

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bao Glang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

currencies are converted at the average interbank exchange rate announced by the State Bank of Vietnam on the closing date of the accounting year.

Actual exchange rate differences arising during the period and exchange rate differences due to revaluation of balances of monetary items at the end of the year are transferred to financial revenue or expenses in the fiscal year.

i. Principles and methods of revenue recognition

Sales revenue

Sales revenue is recognized when the following conditions are satisfied:

- Invoiced to customer ;
- Revenue is determined relatively reliably;
- The company has obtained or will obtain economic benefits from the sale transaction;
- Identify costs associated with sales transactions

Service revenue

Revenue from rendering of services is recognised when the outcome of the transaction can be estimated reliably. Where the provision of services relates to several periods, revenue is recognised in each period according to the results of the work completed at the date of the Balance Sheet of that period. The outcome of a service provision transaction is recognised when the following conditions are satisfied:

- Revenue is determined relatively reliably;
- Ability to obtain economic benefits from the transaction of providing that service;
- Determine the completed work on the date of the Balance Sheet;
- Determine the costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction to provide that service.

Financial revenue

Revenue arising from interest, royalties, dividends, profits shared and other financial revenue is recorded when both (2) of the following conditions are satisfied:

- It is possible to obtain economic benefits from the transaction;
- Revenue is determined relatively certainly.

Dividends and profits are recognized when the Company is entitled to receive dividends or profits from capital contributions.

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bac Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

III. Additional information for items presented in the Balance Sheet

		(Unit: VND)
	June 30, 2026	January 1, 2026
01- Cash and cash equivalents		
- Cash	3,620,097,013	510,776,651
- Bank deposit	9,012,297,362	20,783,893,315
Money is transferring	-	-
Add	12,632,394,375	21,294,669,966
02- Inventory	June 30, 2026	January 1, 2026
- Raw materials	2,003,397,045	
- Tools, instruments		
- Cost of production and unfinished business		
- Goods	239,491,382,704	233,451,350,264
- Finished Product	-	-
Add	241,494,779,749	233,451,350,264
03- Customer receivables		
Short-term trade receivables	June 30, 2026	January 1, 2026
- Vietnam Steel Joint Stock Company	-	12,421,277,264
- IPC Company Limited	19,281,158,820	
- POWERTRADE JSC	71,684,044,682	
- HAI LI KE SI CO., LTD	207,504,945	
Add	91,172,708,447	12,421,277,264
04- Buyer pays in advance		
Short-term prepayment buyer	June 30, 2025	January 1, 2025
- POWERTRADE JSC		68,651,600,000
Thinh Vuong Petroleum Trading Joint Stock Company		20,400,229,802
Add	-	89,051,829,802
05- Prepayment to the seller	June 30, 2026	January 1, 2026
Short term:	72,389,277,380	124,826,048,911
- TNT Vietnam Consulting and Construction Joint Stock Company	2,500,000,000	
- An Nam Industrial Investment & Development Company Limited	103,600,000	103,600,000
- An Toan Phat International Trading and Services Company Limited	37,503,180	37,503,180

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bac Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

- Hai Yen Trading and Construction Company Limited	65,877,636,000	71,877,636,000
- APG Securities Joint Stock Company		40,000,000
- Tan Hiep Phat Construction Investment Consulting Joint Stock Company		147,000,000
- OPEN VALUE Valuation Joint Stock Company		5,000,000
- TSQ 6.2 Company Limited	190,450,000	190,450,000
- AMERICANTECH Joint Stock Company		52,367,359,731
- IPC Group Joint Stock Company	759,288,200	
- AFC Vietnam Auditing Company Limited – Northern Branch		57,500,000
- Dai An Company	120,000,000	
- ARC Media and Event Joint Stock Company	10,800,000	
- Dung Linh Trading and Construction Investment Joint Stock Company	790,000,000	
- Tin Nghia Petroleum Trading Joint Stock Company	2,000,000,000	
06- Other receivables	June 30, 2026	January 1, 2026
a. Short term:	834,673,581	1,498,342,720
- Advance		
- Bet, deposit	8,758,498	8,758,498
- Other receivables	825,915,083	1,489,584,222
b. Long term:	-	60,000,000
- Bet, deposit	-	60,000,000
Add	834,673,581	1,558,342,720
07- Prepaid expenses	June 30, 2026	January 1, 2026
a. Short term:	76,824,192	-
Land and infrastructure rental		
- Insurance		
- Short-term prepaid expenses	76,824,192	
b. Long term:	164,711,734,770	224,131,085,262
- Gas cylinder shell	164,711,734,770	224,131,085,262
- Other pending allocation costs	-	-
Add	164,788,558,962	224,131,085,262
08- Payable to seller	June 30, 2026	January 1, 2026
a. Short term:	49,446,201,372	127,741,953,394
- Tin Nghia Petroleum Trading Joint Stock Company		44,920,909,745

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bac Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

- Ha Minh Trading Production Investment Joint Stock Company		12,285,710,800
- Hanoi Materials Manufacturing and Supply Company Limited	14,815,146,000	5,626,946,000
- Intertek Vietnam Company Limited	122,500,000	96,250,000
- Agribank Insurance Joint Stock Corporation – Thang Long Branch		
- Thuan Phat One Member Company Limited	19,030,754,160	
- AMERICANTECH Joint Stock Company	3,864,826,402	
- Bac Giang Province Industrial Park Infrastructure Development Joint Stock Company	284,417,496	
- Nhat Phat Trading Informatics Company Limited	6,307,671,501	
- Ngan Manh Investment and Development Company Limited	5,020,885,813	
Add	49,446,201,372	127,741,953,394
09- Short-term payable expenses	June 30, 2026	January 1, 2026
- Gas cylinder processing cost	-	-
- Interest expense	1,660,943,718	
Add	1,660,943,718	1,730,695,582
10 - Short-term loans and financial leases	June 30, 2026	January 1, 2026
a. Short term:	162,714,700,144	345,478,462,708
Short term loan	162,714,700,144	345,478,462,708
Financial lease debt		
b. Long term:	359,938,951,453	138,832,575,787
Long term loan	359,938,951,453	138,832,575,787
Add	522,653,651,597	484,311,038,495

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bac Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

10a - Tangible fixed assets

Item	Houses, buildings	Machinery and equipment	Transmission media	Management equipment	Total
ORIGINAL PRICE					
- Beginning balance	17,946,189,677	7,324,291,403		575,012,122	25,845,493,202
- Increase in period		1,823,272,727			1,823,272,727
- Decrease in period					
- Ending balance	17,946,189,677	9,147,564,130		575,012,122	27,668,765,929
Accumulated Depreciation					
- Beginning balance	7,864,122,525	7,172,973,165		533,245,468	15,570,341,158
- Increase in period	238,019,934	589,463,657		41,766,654	869,250,245
- Decrease in period					
- Ending balance	8,102,142,459	7,762,436,822		575,012,122	16,439,591,403
Residual value	9,844,047,218	1,385,127,308			11,229,174,526

10b - Financial leased fixed assets

Item	Machinery and equipment
ORIGINAL PRICE	
- Beginning balance	1,807,272,727
- Increase in period	16,000,000
- Decrease in period	1,823,272,727
- Ending balance	
Accumulated Depreciation	
- Beginning balance	387,272,735
- Increase in period	
- Decrease in period	387,272,735
- Ending balance	-
Residual value	-

10C - Intangible fixed assets

Item	Intangible fixed assets
ORIGINAL PRICE	
- Beginning balance	81,505,820
- Increase in period	
- Decrease in period	
- Ending balance	81,505,820

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bac Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

	June 30, 2026	January 1, 2026
11- Situation of increase and decrease of investments in other units	62,000,000,000	62,000,000,000
(1) Short-term financial investments	-	-
- Short-term investment securities		
Other short-term financial investments		
(2) Long-term financial investments	62,000,000,000	62,000,000,000
- Investment in subsidiaries	2,000,000,000	2,000,000,000
- Investment in associates	60,000,000,000	60,000,000,000
- Other long-term financial investments		
Add		
* Reason for increase, decrease.....		
12a- Taxes and other payments to the state	-	-
- Value added tax payable		
- Special consumption tax		
- Import and export tax		
Corporate income tax	-	-
- Personal income tax		
- Resource tax		
- Real estate tax and land rent		
- Other taxes		
- Fees, charges and other payable amounts		
12b- Taxes and government receivables	2,953,099,219	4,238,698,411
- Value added tax	2,953,099,219	2,577,694,353
Corporate income tax		

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Viet Yen - Bac Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

13 - Increase and decrease in owner's equity

Target	Beginning balance	Increase in period	Decrease in period	Final number
1- Capital investment of capital owners	242,111,900,000			242,111,900,000
2- Share capital surplus				
3- Other owners' capital				
4- Treasury stock (*)				
5- Exchange rate difference				
6- Equity funds				
7- Undistributed profit after tax	17,400,690,325	82,833,739		17,483,524,064
Total	259,512,590,325	82,833,739		259,595,424,064

(Unit: VND)

June 30, 2026

June 30, 2025

IV. Additional information for items presented in the Income Statement**14. Details of revenue and other income**

- Sales revenue 662,228,196,269 592,257,816,989

In which: Revenue from goods exchange

- Service revenue

In which: Service exchange revenue

- Financial revenue 899,721,786 771,016,015

In there:

+ Interest, dividends, profits shared

+ Realized exchange rate difference profit

+ Unrealized exchange rate difference profit

15- Adjustment of increases and decreases in taxable income of corporate income tax

(1) Total accounting profit before tax 763,120,689 2,197,926,162

(2) Income not included in taxable income of corporate income tax

(3) Expenses not deductible from taxable income

(4) Unused loss (Losses from previous years are deducted from pre-tax profit)

TDG GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY Form No. B09 - DNN

Lot D1 - Dinh Tram Industrial Park - Nenh Ward - Vlet Yen - Bac Giang (Issued with Decision No. 199/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Minister of Finance)

(5) Amount of income subject to corporate income tax in the year (5=1-2+3-4)

16. Production and business costs by factor

- Raw material costs
- Labor costs
- Fixed asset depreciation costs
- Outsourcing service costs
- Other expenses in cash

Add

V- Additional information for items in the cash flow statement

17- Information on non-cash transactions occurring during the reporting year

- The purchase of assets by assuming directly related liabilities or through financial leasing transactions

- Conversion of debt into equity

18- Cash and cash equivalents that the enterprise holds but does not use

- deposits and bets

718,860,240

718,860,240

- other items...

VI- Other information

- Potential liabilities

Events occurring after the end of the accounting period

- Comparison information

- Other information (2)

VII- General assessment of indicators and recommendations

.....
.....

Bac Ninh, June 30, 2026

SPEAKER
(Signature, full name)

Manh

CHIEF ACCOUNTANT
(Signature, full name)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Linh Hương

CEO
(Signature, full name, seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Minh Hiếu